

**TOÀ ÁN QUÂN SỰ  
KHU VỰC QUÂN KHU 3**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST  
Ngày 08/9/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 3**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* 4/ Vũ Tuấn Hai.

*Các Hội thẩm quân nhân:*

- 1// Bùi Quốc Vương;

- 1// Lê Văn Tuấn Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** 2/ Hoàng Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3.

**- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31 tham gia phiên tòa:** 3// Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2021, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 02/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 27/8/2021 đối với bị cáo:

**Phạm Tiến L**, tên gọi khác: Phan Tiến L, sinh ngày 05/6/1963 tại xã H, huyện H1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 3, khu H2, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Bá T và bà Phan Thị P (đều đã chết); có vợ là bà Đỗ Thị S và 02 con đều đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/11/1992 bị Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Nam Hà xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Mua bán phụ nữ”, đã được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” từ ngày 13/5/2021 đến ngày 15/5/2021, “Tạm giam” từ ngày 16/5/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu 3; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đỗ Minh M1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Phường A, quận D, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Những người làm chứng:*

1. Ông Đào Quang V; vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Văn T1; vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Sỹ H3; vắng mặt.
4. Ông Phan Bá Q; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 12/9/1995, Đinh Văn T2 đã có hành

vi chiếm đoạt 02 khẩu súng AK số hiệu MA5276 và số 19102640, 02 hộp tiếp đạn, 01 hòm đạn K56 bên trong có 557 viên đạn trong kho vũ khí thuộc c8, Đảo T3, L242, Q3. Ngày 26/9/1995, T2 bán cho Đào Quang V 02 khẩu súng AK trên kèm theo 02 hộp tiếp đạn (trong mỗi hộp tiếp đạn có 10 viên đạn) với giá 1.000.000 đồng.

Ngày 27/9/1995, V nhờ Nguyễn Văn T1 tìm người mua súng AK, T1 đồng ý; T1 gặp Phạm Tiến L nhờ L tìm người mua giúp 02 khẩu súng AK nêu trên của V và L nhận lời. Sau đó, V đem 02 khẩu súng AK và 02 hộp tiếp đạn nêu trên đến nhà Phạm Tiến L nhờ L bán hộ, L đồng ý. Cùng ngày tại nhà L, L và V đã bán 01 khẩu súng AK số hiệu MA5276 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) cho một người không quen biết được 1.000 Nhân dân tệ (NDT). V giữ lại 800 NDT và đưa cho L 200 NDT tiền công. Khẩu súng còn lại, V nhờ L tiếp tục tìm người mua và thống nhất với giá 300 NDT. Trong thời gian chưa bán được, L cất giấu khẩu súng và hộp tiếp đạn còn lại tại nhà riêng.

Sau đó L đã nhờ Nguyễn Sỹ H3 liên hệ với Đỗ Minh M1 tìm người mua khẩu súng AK cũ mà L đang cất giấu, giá trị còn khoảng 40-50%, M1 đồng ý. Tiếp đó, M1 nhờ Đ (là người quen biết xã hội, nhưng không biết địa chỉ ở đâu) tìm người mua súng, Đ nhận lời. Tuy nhiên vào ngày 06/11/1995 tại nhà riêng của L, giữa L và M1 có thỏa thuận mua bán khẩu súng và đạn với nhau, theo đó L bán khẩu súng AK số hiệu 19102640 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) cho Đỗ Minh M1 với giá 300 NDT; M1 chưa trả tiền nhưng có thỏa thuận khi nào bán được súng và đạn sẽ trả số tiền trên cho L. Sau khi được Đ cho địa chỉ người mua, M1 đem khẩu súng AK cùng 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) đến Phòng 202 khách sạn Đông Á (địa chỉ thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) để bán cho một người nam giới không quen biết; nhưng không bán được. Khi M1 mang súng xuống cầu thang khách sạn thì bị Công an huyện H4, tỉnh Quảng Ninh bắt quả tang, thu giữ 01 khẩu súng AK số 19102640 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn).

Biết M1 bị bắt, sợ bị lộ nên ngày 09/11/1995, Phạm Tiến L đã bỏ trốn đến thị trấn C, huyện V1, tỉnh Quảng Ninh để làm thuê. Đến ngày 10/02/1996, L quay trở lại xã N (nay là phường N), thành phố M, tỉnh Quảng Ninh sinh sống cùng gia đình; đến ngày 13/5/2021 thì bị bắt.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa có nội dung: Ngày 27/9/1995, khi được T1 nói V có 02 khẩu súng AK kèm theo 02 hộp tiếp đạn (trong mỗi hộp tiếp đạn có 10 viên đạn) muốn bán và nhờ tôi tìm người mua, tôi nhận lời; rồi V đem số vũ khí trên đến nhà tôi nhờ tôi bán hộ. Sau đó, tôi ra thị trấn M tìm được người mua súng (người này tôi không rõ tên tuổi, địa chỉ) và cho họ địa chỉ nhà tôi. Đến 18 giờ cùng ngày, tại nhà riêng của tôi, tôi và V đã bán 01 khẩu súng AK số hiệu MA5276 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) cho người đàn ông trên được 1.000 NDT. V giữ lại 800 NDT và đưa cho tôi 200 NDT. Khẩu súng còn lại không bán được, V nhờ tôi tiếp tục tìm người mua và thống nhất với giá 300 NDT. Trong thời gian chưa bán được, tôi cất giấu khẩu súng và hộp tiếp đạn này tại nhà riêng.

Đến khoảng đầu tháng 11/1995, khi biết anh Nguyễn Sỹ H3 có quen biết với Đỗ Minh M1, tôi đã nhờ anh H3 hỏi M1 tìm người mua giúp khẩu súng AK còn giá trị khoảng 40-50%. Đến trưa ngày 05/11/1995, anh M1 đến nhà tôi, tôi lấy khẩu súng AK cho anh M1 xem, sau đó anh M1 đi về. Đến chiều cùng ngày, anh M1 đi cùng một người đàn ông (tôi không quen biết, sau này tôi biết người này tên là Đ) quay lại nhà tôi; tại đây, tôi với anh M1 trực tiếp giao dịch, thỏa thuận mua bán súng với nhau, anh M1 đồng ý mua khẩu súng AK trên với giá 300 NDT; tuy nhiên anh M1 chưa trả tiền cho tôi nhưng anh M1 có thỏa thuận với tôi khi nào bán được súng và đạn sẽ trả số tiền trên cho tôi. Đến 13 giờ 00 phút ngày 06/11/1995, anh M1 và anh Đ đến nhà tôi để lấy súng, khẩu súng này tôi để trong túi du lịch màu đen, bên trong có phủ một số quần áo lên trên, rồi đưa cho anh M1; tôi thấy anh Đ về trước, anh M1 về sau. Khi biết anh M1 bị bắt, sợ bị lộ nên ngày 09/11/1995, tôi đã bỏ trốn đến thị trấn C, huyện V1, tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 10/02/1996, tôi quay trở lại phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh sinh sống cùng gia đình đến khi bị bắt (ngày 13/5/2021).

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Minh M1 có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo, ngoài ra ông M1 còn khai có nội dung: Ngày 06/11/1995, tôi có mua của anh L 01 khẩu súng AK kèm theo 01 hộp tiếp đạn (trong hộp tiếp đạn có 10 viên đạn) với giá 300 NDT, tuy nhiên tôi chưa trả tiền cho anh L nhưng có thỏa thuận với L khi nào bán được súng và đạn sẽ trả số tiền trên cho L. Đối với 300NDT trên cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu tôi nộp lại, tôi hoàn toàn tự nguyện, không có ý kiến gì, tuy nhiên hiện nay gia đình tôi có hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền giao nộp được.

Lời khai của những người làm chứng Đào Quang V, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Sỹ H3, Phan Bá Q phù hợp với lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu nêu trên.

Cáo trạng số 78/CT-VKSQK3 ngày 02 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3 truy tố Phạm Tiến L về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian và căn cứ khoản 1 Điều 304; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự (BLTTHS) số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan Điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 (gọi tắt là Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội) xử phạt bị cáo Phạm Tiến

L từ 19 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 13/5/2021). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đối với 200 NDT là tiền công bị cáo được hưởng từ lần mua bán thứ nhất, đây là tiền do phạm tội mà có. Do bị cáo bỏ trốn, nên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 của Tòa án quân sự Quân khu 3 đã buộc V phải chịu trách nhiệm nộp khoản tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, ngày 18/8/2011, TAND huyện T4, tỉnh Hà Nam đã ra quyết định số 01/2011/QĐ-MTHA Quyết định miễn thi hành án khoản tiền nộp sung quỹ Nhà nước đối với V. Do đó đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 300 NDT M1 dùng để mua khẩu súng AK số hiệu 19102640 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) được xác định là tiền dùng vào việc phạm tội. Căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 của Tòa án quân sự Quân khu 3 thì 01 NDT được quy đổi bằng 1393,75 Việt Nam đồng; theo đó 300 NDT được quy đổi bằng 418.125 Việt Nam đồng (làm tròn 418.000 đồng). Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 418.000 đồng của Đỗ Minh M1.

Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ khác trong vụ án đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 của Tòa án quân sự Quân khu 3, do vậy không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với Nguyễn Văn T1, Nguyễn Sỹ H3 không tham gia vào việc mua bán súng, không nhìn thấy súng, không được hưởng lợi gì vì vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T1, H3.

Đối với người đàn ông tên Đ, người đàn ông mua khẩu súng ngày 27/9/1995 và người đàn ông mua khẩu súng ngày 06/11/1995, hiện nay không xác định được lý lịch của họ nên chưa có cơ sở xem xét, xử lý.

Tự bào chữa cho mình, bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời nói sau cùng tỏ ra ân hận về hành vi phạm của mình và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh; Cơ quan Điều tra An ninh Quân khu 3; Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo còn có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng nhưng cơ quan tiến hành tố tụng thời điểm năm 1996 không khởi tố bị can L về hành vi trên là thiếu.

[02] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, của những người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thẩm tra, xác minh hoàn toàn khách quan, phù hợp với nhau; nội dung lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật. HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Do muốn có tiền để chi tiêu nên ngày 27/9/1995, Phạm Tiến L đã trực tiếp đi tìm và cùng V bán cho một người không quen biết 01 khẩu súng AK số hiệu MA5276 kèm 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) với giá 1000 NDT; V cho L 200 NDT. Khẩu súng còn lại, L cất giấu tại nhà và đến ngày 06/11/1995, L bán cho Đỗ Minh M1 khẩu súng AK trên số hiệu 19102640 kèm 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) với giá thỏa thuận là 300 NDT, do M1 chưa bán được súng và bị bắt quả tang nên L chưa nhận được số tiền từ M1 như thỏa thuận.

02 khẩu súng AK kèm theo 02 hộp tiếp đạn và 20 viên đạn trên được xác định là vũ khí quân dụng; căn cứ quy định tại điểm 1 phần III mục A Thông tư liên ngành (TTLN) số 01/TTLN ngày 07/01/1995 của TAND tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ hướng dẫn áp dụng Điều 95, Điều 96 BLHS năm 1985 (gọi tắt là TTLN số 01) thì hành vi của bị cáo Phạm Tiến L đã phạm vào tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLHS năm 1985. So sánh Điều 95 BLHS năm 1985 và Điều 304 BLHS năm 2015 thấy rằng hình phạt cao nhất quy định tại Điều 95 BLHS năm 1985 nặng hơn hình phạt cao nhất quy định tại Điều 304 BLHS năm 2015. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, theo nguyên tắc có lợi, bị cáo được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 304 của BLHS 2015 để quyết định hình phạt.

[03] Đối với khẩu súng AK số hiệu 19102640 kèm 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) trong thời gian chưa bán được L cất giữ tại nhà. Căn cứ điểm 2 phần II mục A TTLN số 01 thì hành vi cất giữ khẩu súng trên của Phạm Tiến L được xác định là tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; tuy nhiên cơ quan tiến hành tố tụng thời điểm năm 1996 đã không khởi tố bị can L về hành vi trên; Nguyễn Văn T1 nhờ L bán súng, đạn giúp V; Nguyễn Sỹ H3 chuyển lời của L đến M1; tuy nhiên T1, H3 không tham gia vào việc mua bán súng, không nhìn thấy súng, không được hưởng lợi gì; theo quy định tại Điều 27 của BLHS năm 2015 thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi trên của L, T1, H3 đến nay đã hết nên không đặt ra xem xét.

Đối với hành vi phạm tội của Đinh Văn T2, Đào Quang V và Đỗ Minh M1 đã bị Tòa án quân sự Quân khu 3 xét xử và tuyên phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 nên không đặt ra xem xét.

Đối với người đàn ông giao dịch mua súng, đạn ngày 27/9/1995; người đàn ông tên Đ, đã giúp M1 giao dịch mua bán khẩu súng, đạn ngày 06/11/1995 và người đàn ông giao dịch mua súng, đạn tại khách sạn Đông Á; hiện nay cơ quan

tiến hành tố tụng không xác định được lý lịch của ông Đ và những người mua súng, đạn nêu trên nên không có cơ sở xem xét, xử lý.

[04] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Đào Quang V là người chủ động mua vũ khí từ Đinh Văn T2 để bán lại lấy tiền, lôi kéo L cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy Đào Quang V phải chịu trách nhiệm hình sự sau Đinh Văn T2; Phạm Tiến L phải chịu trách nhiệm sau Đào Quang V. Đỗ Minh M1 là người được L bán 01 khẩu súng AK kèm 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) nên Đỗ Minh M1 là người chịu trách nhiệm hình sự sau Phạm Tiến L.

[05] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng độc lập với nhau, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác nên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng khen; bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng (là thương binh hạng 4/4) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Ngoài ra, bị cáo còn được tặng 16 giấy khen của các cấp có thẩm quyền.

[06] Bị cáo có nhân thân không tốt. Ngày 25/11/1992 bị TAND tỉnh Nam Hà xét xử và tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Mua bán phụ nữ”, đã được xóa án tích. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, từ khi tham gia công tác xã hội năm 2008 đến ngày bị bắt bị cáo luôn là người nhiệt tình, trách nhiệm, có nhiều đóng góp cho công tác xã hội, xây dựng kinh tế, được cán bộ, nhân dân tôn trọng, tin yêu; cấp ủy, chính quyền địa phương đánh giá cao về thành tích công tác. Mặt khác bản thân bị cáo sức khỏe yếu, bị mắc nhiều căn bệnh.

[07] Tính chất vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước do Quân đội quản lý, bảo vệ. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng khoản 1 Điều 38 BLHS năm 2015 cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[08] Về biện pháp tư pháp: Đối với 200 NDT là tiền công bị cáo được hưởng khi bán được khẩu súng AK số hiệu MA5276 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn). Do bị cáo bỏ trốn, nên tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 của Tòa án quân sự Quân khu 3 đã buộc V phải chịu trách nhiệm nộp khoản tiền trên để sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên ngày 18/8/2011, TAND huyện T4, tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định miễn thi hành án khoản tiền nộp sung ngân sách Nhà nước số 01/2011/QĐ-MTHA đối với V nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 300 NDT M1 dùng để mua khẩu súng AK số hiệu 19102640 và 01 hộp tiếp đạn (bên trong có 10 viên đạn) của L, do chưa bán được súng nên M1 chưa trả cho bị cáo nhưng đây được xác định là tiền dùng vào việc phạm tội. Căn cứ tỷ giá NDT quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 của Tòa án quân sự Quân khu 3, thì 01 NDT được quy đổi bằng 1393,75 Việt Nam đồng; theo đó 300 NDT được quy đổi bằng 418.125 Việt Nam đồng (làm tròn 418.000 đồng). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 418.000 đồng của Đỗ Minh M1.

[09] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ và các vấn đề dân sự khác trong vụ án đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12 ngày 17/7/1996 của Tòa án quân sự Quân khu 3, do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Tiến L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 của BLTTHS,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về hình sự**

Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến L, tên gọi khác: Phan Tiến L phạm tội "Mua bán trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng khoản 1 Điều 304; các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Phạm Tiến L 19 (mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 13/5/2021).

### **2. Về biện pháp tư pháp**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 418.000 (bốn trăm mười tám nghìn) đồng của Đỗ Minh M1.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

### **3. Về án phí**

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS bị cáo Phạm Tiến L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### **4. Quyền kháng cáo đối với bản án**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/9/2021) đối với bị cáo và kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án; bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 3./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Quân khu 3;
- Trại tạm giam Quân khu 3;
- Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3;
- Viện kiểm sát quân sự khu vực 31;
- Cơ quan An ninh điều tra Quân khu 3;
- Phòng Thi hành án Quân khu 3;
- Tòa án quân sự Trung ương;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tiểu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**4/ Vũ Tuấn Hai**